TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2020/HC-PT
Ngày: 19-3-2020
V/v khiếu kiện quyết định về cưỡng chế thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Bích Thủy.

2. Bà Phạm Thị Mai Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 và ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 07/HCPT ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc " Khiếu kiện quyết định về cưỡng chế thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định về cưỡng chế thu hồi đất" của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1019/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 39/1 quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 166/46A1 quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Thanh Bình – Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện C.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 39/1 quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà là người sử dụng phần đất có diện tích 18.604 m^2 thuộc thửa 640, 618, 1152, 1153, 1154 tờ bản đồ số 21, Bộ địa chính xã TPT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất này, bà đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 203/QSDĐ ngày 22/3/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 28/QSDĐ ngày 02/4/2002.

Ngày 19/01/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 211/QĐ-UB thu hồi 522,3 ha đất tại huyện C và tạm giao cho Quỹ Đầu tư và phát triển đô thị Thành phố để đầu tư xây dựng, tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp TPT, huyện C. Bà cho rằng Quyết định 211/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng, bởi lẽ theo Quyết định 519/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/8/1996 đã phê duyệt xây dựng Khu công nghiệp TPT, huyện C với diện tích là 200 ha, trong khi Quyết định 211/QĐ-UB lại thu hồi đến 522,3 ha là vượt quá thẩm quyền phê duyệt ban đầu. Đồng thời, trong Quyết định 211/QĐ-UB đã căn cứ vào quy định của Luật Đất đai 1993, trong khi Luật Đất đai năm 2003 đã có hiệu lực pháp luật và người có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất phải là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi Quyết định 211/QĐ-UB lại do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký.

Từ những lập luận trên, bà cho rằng Quyết định 211/QĐ-UB có nhiều sai trái, từ căn cứ pháp lý cho đến thẩm quyền ban hành.

Ngày 15/3/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 để cưỡng chế thi hành Quyết định số 211/QĐ-UB ngày 19/01/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà cho rằng Quyết định số 4509/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện C là không đúng bởi vì: Quyết định 211/QĐ-UB có nhiều sai sót nhưng Quyết định số 4509/QĐ-UBND lại căn cứ vào Quyết định 211/QĐ-UB để ban hành, hơn nữa Quyết định số 211/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có bất cứ nội dung nào về việc thu hồi phần đất mà bà có quyền sử dụng. Ngoài ra,

Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà phải là Ủy ban nhân dân huyện C, không phải của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C như trong Quyết định 4509/QĐ-UBND.

Bà đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 4509/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C; Yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu; Yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần. Tuy nhiên, qua 02 lần xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy 02 Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định bà chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C với những lý do như đã nêu trên, bà không yêu cầu gì khác.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Việt D trình bày:

Ngày 19/01/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 211/QĐ-UB với nội dung thu hồi chung diện tích 552,3 ha để đầu tư dự án Khu công nghiệp TPT. Ngày 05/6/2007, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2087/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Thanh H với tổng số tiền là 2.665.453.740 đồng, tính đến ngày 15/3/2011 thì số tiền là 3.414.180.787 đồng.

Ngày 24/6/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2994/QĐ-UB phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp TPT có nội dung ghi rõ: Căn cứ vào đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện C tại Công văn số 54/CV-HĐ ngày 02/6/2004 và Hội đồng Thẩm định Bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố tại Công văn số 3280/TC-HĐTĐĐB-BVG ngày 10/6/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 543/PABT ngày 02/6/2004 đối với dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp TPT do Hội đồng Bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng của dự án lập.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4509/QĐ-UBND là có căn cứ pháp luật. Bà H đã nhận được Quyết định cưỡng chế 4509/QĐ-UBND nhưng không chấp hành. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C đã tiến hành cưỡng chế thu hồi phần đất thuộc quyền sử dụng của bà H là đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định về cưỡng chế thu hồi đất" của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên xử:

"1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi cưỡng chế của bà Nguyễn Thị Thanh H.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần của bà Nguyễn Thị Thanh H."

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo và thi hành án theo Luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2018, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh H về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Anh T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu sau: Hủy quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do kháng cáo: Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, cụ thể: Không thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Ủy ban nhân dân huyện C đã tiến hành cưỡng chế việc thu hồi đất đối với bà H khi chưa thực hiện đúng quy định thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư là không có căn cứ; Quyết định thu hồi đất số 211/QĐ-UB ngày 19/01/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều sai sót nhưng Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 về cưỡng chế thu hồi đất lại căn cứ vào Quyết định 211/QĐ-UB để ban hành là không đủ căn cứ. Mặt khác, Quyết định số 211/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có bất cứ nội dung nào về việc thu hồi đất của bà nhưng lại cưỡng chế thu hồi đất là không đúng trình tự thủ tục. Người khởi kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến: Phía người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày trước đây, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015: Ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; Tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ; Vụ án được mở đúng thời gian, địa điểm, đúng thành phần; Quá trình xét xử đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H còn trong thời hạn. Vụ án thụ lý từ ngày 09/12/2013 đến ngày 26/11/2018, Tòa án cấp sơ thẩm mới đưa vụ án ra xét xử thì phải áp dụng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 để giải quyết từ ngày 01/7/2016. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đồng thời, biên bản phiên tòa ngày 26/11/2018 gồm 07 trang nhưng lại thiếu trang 6, biên bản thể hiện thời gian Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa là lúc 08 giờ 00 ngày 26/11/2018 và kết thúc phiên tòa ngày 27/11/2018 nhưng nội dung biên bản không ghi chép đầy đủ việc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử thông báo nghị án kéo dài đến thời điểm Tòa tuyên án. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Viện Kiểm sát đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận của đương sự; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và Ủy ban nhân dân huyện C là tranh chấp về việc "Khiếu kiện quyết định về cưỡng chế thu hồi đất" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Tố tụng hành chính năm 2010, Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Do thời điểm thụ lý vụ án trước ngày Luật Tố tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực, nên dù người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C nhưng vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Do bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo bản án của Tòa án nhân dân huyện C nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003, Khoản 2 Điều 32 Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bổ sung quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền cưỡng chế thu hồi đất. Do vậy, người khởi kiện xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 27/11/2018, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C là còn trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét.

Về việc ủy quyền: Xét văn bản ủy quyền của các đương sự là hợp lệ, đảm bảo hình thức và nội dung đúng theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử phúc thẩm vắng mặt đương sự: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Việt D đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện là có căn cứ đúng pháp luật.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì vụ việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và Ủy ban nhân dân huyện C được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm ngày 09/12/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, do đó, kể từ ngày 01/7/2016, mọi thủ tục tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm phải tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Cụ thể, theo quy định tại Khoản 7 Điều 38, Điều 98, Khoản 5 Điều 131, Điều 136, Điều 137, Điều 138, Điều 139 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án phải tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định. Tại cấp sơ thẩm, do người bị kiện có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành đối thoại được. Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 04/8/2016 nhưng đã không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đã vi phạm các quy định đã viện dẫn trên của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Mặt khác, bản án sơ thẩm đã thể hiện phiên tòa xét xử vụ án giữa bà H và Ủy ban nhân dân huyện C được diễn ra trong 02 ngày là ngày 26/11/2018 và ngày 27/11/2018. Tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa được thể hiện tại các bút lục số 332, 333, 334, 335 không thể hiện diễn biến, nội dung phiên tòa vào ngày 27/11/2018. Việc này đã vi phạm Điều 166 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện C đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ khiếu kiện này, và việc

vi phạm này không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm, kháng cáo của người khởi kiện và ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, giải quyết lại vụ án từ đầu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vụ án có người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C, nên căn cứ Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do đó, cần thiết chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí hành chính phúc thẩm, người khởi kiện không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ nêu trên,

Căn cứ Khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo trình tự thủ tục chung.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0033728 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thế Trọng